

STRESS DO COVID-19 Ở HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG THỪA THIÊN HUẾ

Đậu Minh Long & Hồ Thị Trúc Quỳnh

Khoa Tâm lý và Giáo dục, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

Tác giả liên hệ: Hồ Thị Trúc Quỳnh. Email: httquynh@hueuni.edu.vn

Tóm tắt: Bài báo này điều tra mức độ căng thẳng do COVID-19 và sự khác biệt giới tính về mức độ căng thẳng do COVID-19 ở học sinh trung học phổ thông (HS THPT) tại Thừa Thiên Huế. Mẫu nghiên cứu bao gồm 685 HS THPT tại Thừa Thiên Huế. Thang đo căng thẳng do COVID-19 được sử dụng để đánh giá mức độ căng thẳng do COVID-19 của HS THPT. Phần mềm SPSS 20.0 và Amos 20.0 được dùng để xử lý số liệu. Kết quả nghiên cứu cho thấy HS THPT có mức độ căng thẳng do COVID-19 không cao và HS nữ có mức độ căng thẳng do COVID-19 cao hơn HS nam. Kết quả của nghiên cứu có những ý nghĩa lý luận và thực tiễn nhất định.

Từ khóa: Căng thẳng; COVID-19; học sinh THPT; Thừa Thiên Huế.

1. Đặt vấn đề

Sự xuất hiện và bùng phát COVID-19 đã buộc một phần lớn dân số toàn cầu phải nhanh chóng chuyển sang một lối sống mới (Peltz et al., 2020) và gây ra những rủi ro lớn đối với sức khỏe toàn cầu (Chattu et al., 2020). Sự xuất hiện bất ngờ, sự lây lan nhanh chóng và tính chất nguy hiểm của COVID-19 đã gây ra những tác động mạnh mẽ về thể chất và tạo ra căng thẳng tâm lý đáng kể cho những người bị ảnh hưởng (Song, 2020). Tại Việt Nam, làn sóng thứ tư của dịch bệnh COVID -19 bắt đầu từ ngày 27/4/2020 và kết thúc vào ngày 31/12/2021. Theo thống kê, trong đợt bùng phát này có 1675321 ca nhiễm và 31632 ca tử vong

tại Việt Nam (Toan, 2021). Sự lây lan nhanh chóng và những thiệt hại do COVID-19 gây ra trong đợt bùng phát này có thể dẫn đến những hậu quả sức khỏe tâm thần kém ở người dân. Theo thống kê, có khoảng 23.5%, 14.1% và 22.3% dân số Việt Nam bị trầm cảm, lo lắng và căng thẳng do đại dịch COVID-19 gây ra (Ngoc Cong Duong et al., 2020).

Căng thẳng đề cập đến một quá trình thích ứng có xu hướng thể hiện nhiều phản ứng khác nhau khi môi trường bên trong và bên ngoài mất cân bằng (Folkman, 2013). Căng thẳng COVID-19 là rối loạn điều chỉnh liên quan đến đại dịch, đặc trưng bởi sự đau khổ đáng kể về mặt lâm sàng và suy giảm hoạt động (Taylor, 2021). HS THPT là nhóm người bị ảnh hưởng nghiêm trọng do COVID-19. Để ứng phó với sự lây lan của dịch bệnh, các trường học phải đóng cửa, HS không được đến trường, HS buộc phải chuyển từ phương thức học tập trực tiếp sang học tập trực tuyến, các hình thức kiểm tra đánh giá cũng chuyển sang trực tuyến... Điều này có thể dẫn đến những khó khăn cho HS trong việc thích nghi với hoàn cảnh mới do dịch bệnh COVID-19 gây ra và từ đó gây ra những căng thẳng nhất định ở các em. Nhiều nghiên cứu trước đây đã chỉ ra rằng căng thẳng do COVID-19 có thể dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng khác như lo âu (Y. Hu et al., 2021), trầm cảm (Liu & Wang, 2021; Arslan & Yildirim, 2021), các vấn đề nội tâm hóa (Asanjarani et al., 2022) và chất lượng giấc ngủ kém (Lee et al., 2022). Do đó, nghiên cứu về căng thẳng do COVID-19 ở HS THPT có ý nghĩa quan trọng. Tuy nhiên, tại Việt Nam các nghiên cứu về căng thẳng do COVID-19 ở HS THPT còn khá khiêm tốn. Nhằm lấp đầy khoảng trống trong tài liệu, nghiên cứu này điều tra thực trạng căng thẳng do COVID-19 ở HS THPT tại Thừa Thiên Huế.

Sau khi dịch bệnh COVID-19 bùng phát, nhiều nghiên cứu đã điều tra căng thẳng do COVID-19 và những tác động của nó trên những đối tượng khác nhau (Arslan & Yildirim, 2021; Y. Hu et al., 2021; Lee et al., 2022; Q. Liu & Wang,

2021). Sử dụng các công cụ đo lường khác nhau, các tác giả đã tìm hiểu mức độ căng thẳng do COVID-19 ở sinh viên (Arslan & Yildirim, 2021; Y. Hu et al., 2021; R. Wang et al., 2022) và thanh thiếu niên (Asanjarani et al., 2022; Q. Liu & Wang, 2021) (xem Bảng 1). Dựa vào kết quả các nghiên cứu trước đây, chúng tôi nhận định rằng mức độ căng thẳng do COVID-19 là khác nhau trên mẫu sinh viên cũng như trên mẫu thanh thiếu niên. Các yếu tố gây căng thẳng cho thanh thiếu niên phát sinh từ đại dịch như lo lắng về gián đoạn giáo dục, hạn chế di chuyển và tụ tập xã hội, nỗi sợ lây nhiễm, nguồn cung cấp hoặc thông tin không đầy đủ, và sự kỳ thị, có thể dẫn đến nhiều tác động tâm lý tiêu cực (J. Wang et al., 2021). Một mặt tích cực của sự cô lập xã hội, cho phép thanh thiếu niên dành nhiều thời gian hơn cho gia đình, đó có thể là nguồn cân bằng tinh thần nếu thanh thiếu niên có thể nhận được sự hỗ trợ đầy đủ từ các thành viên trong gia đình (Pietrabissa et al., 2021). Tuy nhiên, mặt khác, các yếu tố gây căng thẳng gia tăng khi các gia đình phải đối mặt (ví dụ: mất mát sắp xảy ra, mất an ninh lương thực và thách thức nuôi dạy con cái) trong thời gian phong tỏa cũng có thể làm tăng nguy cơ thanh thiếu niên bị bỏ rơi, bóc lột, lạm dụng và bạo lực (Brown et al., 2020; Griffith, 2022; J. Wang et al., 2021). Nhìn chung, thanh thiếu niên có thể không có đủ kỹ năng đối phó để giải quyết các hậu quả tâm lý xã hội tiêu cực (Power et al., 2020).

Bảng 1. Thống kê các nghiên cứu về căng thẳng do COVID-19

Tác giả	M ± SD	Người tham gia	Quốc gia	Thang đo
(Y. Hu et al., 2021)	0.581 ± 0.440	1334 sinh viên	Trung Quốc	The Coronavirus Stress Measure (CSM)
(Morón et al., 2021)	11.97 ± 4.901	431 người trưởng thành	Ba Lan	CSM
(Q. Liu &	38.76 ± 6.91	617 thanh thiếu	Trung	The Perceived

Wang, 2021)		niên	Quốc	Stress Scale-14
(Arslan et al., 2021)	11.66 ± 3.91	451 người trưởng thành	Thổ Nhĩ Kỳ	CSM
(Arslan & Yildirim, 2021)	11.97 ± 3.86	475 sinh viên	Thổ Nhĩ Kỳ	CSM
(R. Wang et al., 2022)	2.27 ± 0.81	2926 sinh viên	Trung Quốc	CSM

Sự khác biệt giới tính về căng thẳng do COVID-19: Có rất hiếm các nghiên cứu tìm hiểu sự khác biệt giới tính về căng thẳng do COVID-19 ở thanh thiếu niên. Tuy nhiên, có bằng chứng cho thấy rằng phụ nữ bị ảnh hưởng tâm lý bởi đại dịch COVID-19 nhiều hơn nam giới (Ding et al., 2021), mặc dù nữ giới có nguy cơ tử vong do COVID-19 thấp hơn nam giới (Jin et al., 2020; Peckham et al., 2020). Cùng quan điểm, N. Liu et al., (2020) cũng cho rằng COVID-19 là nguyên nhân làm tăng mức độ căng thẳng và lo âu ở nữ so với nam. Các nghiên cứu ở Iran, Áo và Ấn Độ cũng phát hiện ra rằng phụ nữ và thanh niên quan tâm nhiều hơn đến COVID-19 và phải chịu mức độ căng thẳng liên quan đến đại dịch cao hơn (Kazmi et al., 2020; Moghanibashi-Mansourieh, 2020; Pieh et al., 2020). Theo Schmaus et al., (2008), nữ giới có thể dễ bị tổn thương hơn khi tiếp xúc với căng thẳng lặp đi lặp lại khi so sánh với nam giới. Nghiên cứu của Niño et al., (2021) cho thấy phụ nữ thường có nhiều khả năng sợ COVID-19 hơn nam giới. Như vậy, có thể quan tâm nhiều hơn đến COVID-19, mức độ sợ hãi COVID-19 cao hơn và tính dễ bị tổn thương đã khiến nữ giới có mức độ căng thẳng do COVID-19 cao hơn nam giới.

Trên cơ sở những phân tích trên đây, nghiên cứu này nhằm kiểm tra hai giả thuyết sau đây:

Giả thuyết 1: HS THPT Thừa Thiên Huế có mức độ căng thẳng do COVID-19 không cao.

Giả thuyết 2: Có sự khác biệt giới tính về mức độ căng thẳng do COVID-19 ở trong HS THPT Thừa Thiên Huế.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Mẫu nghiên cứu

Những người tự nguyện tham gia nghiên cứu này bao gồm 685 HS THPT đến từ một số trường THPT trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. Những người tham gia có độ tuổi từ 15 đến 19, độ tuổi trung bình là 16.09. Mẫu có 233 HS nam, 462 là HS nữ; 253 HS khối 10, 219 HS khối 11 và 212 HS khối 12. Dữ liệu này được thu thập vào tháng 10 năm 2021 thông qua một cuộc khảo sát trực tuyến.

2.2. Công cụ đo lường

Thang đo căng thẳng do vi-rút Corona (The Coronavirus Stress Measure - CSM) do Arslan và cộng sự (2021) phát triển được sử dụng để đo lường mức độ căng thẳng do COVID-19 ở thanh thiếu niên Thừa Thiên Huế. CSM bao gồm 5 item được điều chỉnh từ thang đo căng thẳng nhận thức (The perceived stress scale – PSS) của Cohen, Kamarck và Mermelstein (1983). CSM yêu cầu những người tham gia cho biết mức độ trải nghiệm của họ trên thang 5 điểm từ 0 (không bao giờ) đến 4 (rất thường xuyên). Tổng điểm của CSM dao động từ 0 đến 25, điểm càng cao chứng tỏ mức độ căng thẳng do COVID-9 càng nghiêm trọng. Thang đo này đã được chúng tôi Việt hóa và kiểm tra độ tin cậy và hiệu lực (xem Bảng 2). Kết quả thích nghi cho thấy, thang đo có độ tin cậy và hiệu lực tốt. Trong lần khảo sát chính thức, CSM có độ tin cậy tốt ($\alpha = 0.853$).

Bảng 2. Độ tin cậy và hiệu lực của phiên bản tiếng Việt của CSM (n = 216)

Các giá trị	Giá trị quy chiếu (Hair J.F, Black W.C, Babin B.J, Anderson R.E, 2006; Schumacker & Lomax, 2004; Hu & Bentler, 1999; Seyal et al., 2002; Kline, 1998)	Mô hình đo lượng
χ^2/df	< 5	1.576
<i>GFI</i>	> 0.85	0.975
<i>NFI</i>	> 0.80	0.965
<i>CFI</i>	> 0.80	0.986
<i>TLI</i>	> 0.90	0.966
<i>RMSEA</i>	< 0.08	0.078
<i>Cronbach's Alpha</i>	≥ 0.70	0.820

2.3. Xử lý thống kê

Để xử lý số liệu, chúng tôi đã sử dụng các phép phân tích nhân tố khẳng định (CFA), phân tích độ tin cậy Cronbach Alpha, thống kê mô tả (điểm trung bình - độ lệch chuẩn, số lượng - tỷ lệ và kiểm định hai mẫu độc lập (Independent Samples t Test). Tất cả các phép phân tích thống kê trên được xử lý bằng phần mềm SPSS 20.0 và AMOS 20.0.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Thực trạng căng thẳng do COVID-19 ở HS THPT Thừa Thiên Huế dưới lát cắt tổng quát

Bảng 3 trình bày mức độ căng thẳng do COVID-19 ở HS THPT Thừa Thiên Huế. Theo Bảng này, tổng điểm căng thẳng do COVID-19 của HS THPT là 8.46 (độ lệch chuẩn là 4.224) với $5 < \text{tổng điểm} < 25$. Điểm trung bình chung cả thang đo là 1.693 (độ lệch chuẩn là 0.885) với $0 < \text{điểm trung bình chung} < 4$. Điều này

chứng tỏ HS THPT trải nghiệm không thường xuyên các triệu chứng căng thẳng do COVID-19.

Bảng 3. Căng thẳng do COVID-19 ở HS THPT

NỘI DUNG	M	SD
1. Do COVID-19, bạn có thường cảm thấy mình không thể kiểm soát được những việc quan trọng trong cuộc sống của mình không?	1.390	0.981
2. Bạn có thường xuyên bất an vì đại dịch COVID-19 không?	1.990	1.027
3. Bạn có thường xuyên cảm thấy lo lắng và căng thẳng vì đại dịch COVID-19 không?	2.080	1.019
4. Bạn có thường thấy rằng mình không thể đối đầu với tất cả những việc phải làm vì đại dịch COVID-19 không?	1.54	1.133
5. Bạn có thường xuyên cảm thấy khó khăn chông chát đến mức không thể vượt qua do đại dịch COVID-19?	1.460	1.160
Điểm trung bình chung	1.693	0.845
Tổng điểm	8.46	4.224

Chú thích: M: điểm trung bình; SD: độ lệch chuẩn.

3.2. Sự khác biệt giới tính về căng thẳng do COVID-19 ở HS THPT Thừa Thiên Huế

Bảng 4 trình bày sự khác biệt giới tính về mức độ căng thẳng do COVID-19 ở HS THPT Thừa Thiên Huế. Theo Bảng 4, điểm trung bình chung của thang đo căng thẳng do COVID-19 của nam là 1.554 (độ lệch chuẩn là 0.891) và của nữ là 1.760 (độ lệch chuẩn là 0.814) với $0 < \text{điểm trung bình chung} < 4$. Kết quả kiểm định hai mẫu độc lập cho thấy có sự khác biệt giới tính về mức độ căng thẳng do COVID-19, trong đó nữ có mức độ căng thẳng do COVID-19 cao hơn nam với $t_{(683)} = -2.91, p < 0.01$.

Bảng 4. Sự khác biệt giới tính về mức độ căng thẳng do COVID-19 ở HS THPT

Căng thẳng do COVID-19	Nam		Nữ		$t_{(683)}$
	M	SD	M	SD	
	1.554	0.891	1.760	0.814	-2.91**

*Chú thích: M: điểm trung bình; SD: độ lệch chuẩn; **: $p < 0.01$.*

4. Thảo luận

Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng HS THPT Thừa Thiên Huế không thường xuyên trải nghiệm các triệu chứng căng thẳng do COVID-19, do đó mức độ stress do COVID-19 không cao. Kết quả này phù hợp với giả thuyết 1 của nghiên cứu. So sánh với các nghiên cứu trước đây trên mẫu sinh viên cho thấy: Mức độ căng thẳng do COVID-19 của HS THPT trong nghiên cứu của chúng tôi cao hơn so với mẫu sinh viên Trung Quốc trong nghiên cứu của Y. Hu et al., (2021), thấp hơn so với mẫu sinh viên Trung Quốc trong nghiên cứu của R. Wang et al., (2022) và sinh viên Thổ Nhĩ Kỳ trong nghiên cứu của Arslan và Yildirim, (2021). Mức độ căng thẳng do COVID-19 của HS THPT Thừa Thiên Huế cũng thấp hơn so với mẫu thanh thiếu niên Trung Quốc (Q. Liu & Wang, 2021). Chúng tôi cho rằng kết quả này có liên quan đến thời điểm khảo sát của các nghiên cứu và diễn biến dịch bệnh COVID-19 ở các địa bàn nghiên cứu khác nhau. So với Trung Quốc, Việt Nam ít bị tổn thất nặng nề do COVID-19 hơn. Tại Việt Nam, trong làn sóng thứ tư của dịch bệnh COVID-19, Thừa Thiên Huế không phải là tâm dịch nên ghi nhận ít ca mắc và số ca tử vong do COVID-19 so với nhiều địa phương khác. Điều này có thể là một trong những nguyên nhân ảnh hưởng đến mức độ căng thẳng do COVID-19 của HS THPT Thừa Thiên Huế.

Phù hợp với giả thuyết 2, nghiên cứu này cho thấy HS nữ có mức độ căng thẳng do COVID-19 cao hơn HS nam. Phát hiện này có sự tương đồng với các phát hiện trước đây (Kazmi et al., 2020; N. Liu et al., 2020; Moghanibashi-Mansourieh,

2020; Pieh et al., 2020). Dựa trên các nghiên cứu trước đây (Kazmi et al., 2020; Moghanibashi-Mansourieh, 2020; Niño et al., 2021; Pieh et al., 2020; Schmaus et al., 2008), chúng tôi giả định rằng nguyên nhân dẫn đến sự khác biệt này có thể là do HS nữ dễ bị tổn thương hơn khi tiếp xúc với các tác nhân gây căng thẳng và các em nữ cũng quan tâm nhiều hơn đến COVID-19 và nỗi sợ hãi COVID-19 cũng lớn hơn các em nam.

5. Kết luận

Kết quả nghiên cứu này chỉ ra rằng HS THPT Thừa Thiên Huế có mức độ căng thẳng do COVID-19 không cao và HS nữ có mức độ căng thẳng do COVID-19 cao hơn HS nam. Các phát hiện của nghiên cứu này đã ủng hộ các phát hiện trước đây. Nghiên cứu này mang lại ý nghĩa lý luận và thực tiễn nhất định. Về mặt lý luận, nghiên cứu làm giàu thêm những vấn đề lý luận liên quan đến căng thẳng do COVID-19. Điều này càng đặc biệt ý nghĩa trong bối cảnh thiếu thốn các nghiên cứu về sức khỏe tâm thần dưới tác động của dịch bệnh COVID-19 ở Việt Nam. Về thực tiễn, phát hiện của nghiên cứu này có thể làm cơ sở để xây dựng các biện pháp nhằm giảm căng thẳng do COVID-19 ở HS THPT, trong đó các biện pháp nên tập trung vào nữ HS THPT nhiều hơn. Tuy nhiên, mẫu của nghiên cứu này chỉ bao gồm những HS THPT trên địa bàn Thừa Thiên Huế, do đó, cần thận trọng khi khái quát hóa các phát hiện của nghiên cứu này cho những mẫu khác ở địa phương khác.

Tài liệu tham khảo

Arslan, G., & Yildirim, M. (2021). Coronavirus stress, meaningful living, optimism, and depressive symptoms: a study of moderated mediation model. *Australian Journal of Psychology*, 73(2), 113–124.

Arslan, G., Yildirim, M., Tanhan, A., Buluş, M., & Allen, K.-A. (2021).

Coronavirus Stress, Optimism-Pessimism, Psychological Inflexibility, and Psychological Health: Psychometric Properties of the Coronavirus Stress Measure. *International Journal of Mental Health and Addiction*, 19(6), 2423–2439.

Asanjarani, F., Arslan, G., Alqashan, H. F., & Sadeghi, P. (2022). Coronavirus stress and adolescents' internalizing problems: exploring the effect of optimism and pessimism. *Vulnerable Children and Youth Studies*, 17(3), 281–288.

Brown, S. M., Doom, J. R., Lechuga-Peña, S., Watamura, S. E., & Koppels, T. (2020). Stress and parenting during the global COVID-19 pandemic. *Child Abuse & Neglect*, 110, 104699.

Chattu, V. K., Adisesh, A., & Yaya, S. (2020). Canada's role in strengthening global health security during the COVID-19 pandemic. *Global Health Research and Policy*, 5(1), 16.

Cohen, S., Kamarck, T., & Mermelstein, R. (1983). A global measure of perceived stress. *Journal of Health and Social Behavior*, 24, 385–396.

Ding, Y., Yang, J., Ji, T., & Guo, Y. (2021). Women Suffered More Emotional and Life Distress than Men during the COVID-19 Pandemic: The Role of Pathogen Disgust Sensitivity. *International Journal of Environmental Research and Public Health*, 18(16), 8539.

Folkman, S. (2013). Stress: Appraisal and Coping. In *Encyclopedia of Behavioral Medicine* (pp. 1913–1915). Springer New York.

Griffith, A. K. (2022). Parental Burnout and Child Maltreatment During the COVID-19 Pandemic. *Journal of Family Violence*, 37(5), 725–731.

Hair J.F, Black W.C, Babin B.J, Anderson R.E, and T. R. L. (2006). *Multivariate data analysis 6th Edition*. Pearson University Press.

Hu, L., & Bentler, P. M. (1999). Cutoff criteria for fit indexes in covariance structure analysis: Conventional criteria versus new alternatives. *Structural Equation Modeling: A Multidisciplinary Journal*, 6(1), 1–55.

Hu, Y., Ye, B., & Tan, J. (2021). Stress of COVID-19, Anxiety, Economic Insecurity, and Mental Health Literacy: A Structural Equation Modeling Approach. *Frontiers in Psychology*, 12.

Jin, J.-M., Bai, P., He, W., Wu, F., Liu, X.-F., Han, D.-M., Liu, S., & Yang, J.-K. (2020). Gender Differences in Patients With COVID-19: Focus on Severity and Mortality. *Frontiers in Public Health*, 8.

Kazmi, S. S. H., Hasan, K., Talib, S., & Saxena, S. (2020). COVID-19 and Lockdown: A Study on the Impact on Mental Health. *SSRN Electronic Journal*.

Kline, R. B. (1998). *Methodology in the social sciences. Principles and practice of structural equation modeling*. Guilford Press.

Lee, K., Sayre, B., Martin, S., James, T. A., & Duarte, A. (2022). Covid-19-Stress Associated With Worse Sleep Quality, Particularly With Increasing Age. *The Journals of Gerontology: Series B*. <https://doi.org/10.1093/geronb/gbac173>

Liu, N., Zhang, F., Wei, C., Jia, Y., Shang, Z., Sun, L., Wu, L., Sun, Z., Zhou, Y., Wang, Y., & Liu, W. (2020). Prevalence and predictors of PTSS during COVID-19 outbreak in China hardest-hit areas: Gender differences matter. *Psychiatry Research*, 287, 112921.

Liu, Q., & Wang, Z. (2021). Perceived stress of the COVID-19 pandemic and adolescents' depression symptoms: The moderating role of character strengths.

Personality and Individual Differences, 182, 111062.

Moghanibashi-Mansourieh, A. (2020). Assessing the anxiety level of Iranian general population during COVID-19 outbreak. *Asian Journal of Psychiatry, 51, 102076.* <https://doi.org/10.1016/j.ajp.2020.102076>

Moroń, M., Yildirim, M., Jach, Ł., Nowakowska, J., & Atlas, K. (2021). Exhausted due to the pandemic: Validation of Coronavirus Stress Measure and COVID-19 Burnout Scale in a Polish sample. *Current Psychology.*

Ngoc Cong Duong, K., Nguyen Le Bao, T., Thi Lan Nguyen, P., Vo Van, T., Phung Lam, T., Pham Gia, A., Anuratpanich, L., & Vo Van, B. (2020). Psychological Impacts of COVID-19 During the First Nationwide Lockdown in Vietnam: Web-Based, Cross-Sectional Survey Study. *JMIR Formative Research, 4(12), e24776.*

Niño, M., Harris, C., Drawve, G., & Fitzpatrick, K. M. (2021). Race and ethnicity, gender, and age on perceived threats and fear of COVID-19: Evidence from two national data sources. *SSM - Population Health, 13, 100717.*

Peckham, H., de Gruijter, N. M., Raine, C., Radziszewska, A., Ciurtin, C., Wedderburn, L. R., Rosser, E. C., Webb, K., & Deakin, C. T. (2020). Male sex identified by global COVID-19 meta-analysis as a risk factor for death and ICU admission. *Nature Communications, 11(1), 6317.*

Peltz, J. S., Daks, J. S., & Rogge, R. D. (2020). Mediators of the association between COVID-19-related stressors and parents' psychological flexibility and inflexibility: The roles of perceived sleep quality and energy. *Journal of Contextual Behavioral Science, 17, 168–176.*

Pieh, C., Budimir, S., & Probst, T. (2020). The effect of age, gender, income, work,

and physical activity on mental health during coronavirus disease (COVID-19) lockdown in Austria. *Journal of Psychosomatic Research*, 136, 110186.

Pietrabissa, G., Volpi, C., Bottacchi, M., Bertuzzi, V., Guerrini Usubini, A., Löffler-Stastka, H., Prevendar, T., Rapelli, G., Cattivelli, R., Castelnuovo, G., Molinari, E., & Sartorio, A. (2021). The Impact of Social Isolation during the COVID-19 Pandemic on Physical and Mental Health: The Lived Experience of Adolescents with Obesity and Their Caregivers. *International Journal of Environmental Research and Public Health*, 18(6), 3026.

Power, E., Hughes, S., Cotter, D., & Cannon, M. (2020). Youth mental health in the time of COVID-19. *Irish Journal of Psychological Medicine*, 37(4), 301–305.

Schmaus, B. J., Laubmeier, K. K., Boquiren, V. M., Herzer, M., & Zakowski, S. G. (2008). Gender and stress: Differential psychophysiological reactivity to stress reexposure in the laboratory. *International Journal of Psychophysiology*, 69(2), 101–106.

Schumacker, R. E., & Lomax, R. G. (2004). *A Beginner's guide to structural equation modeling*. 2nd ed. Mahwah (NJ): Lawrence Erlbaum. Routledge.

Seyal, A. H., Rahman, M. N. A., & Rahim, M. M. (2002). Determinants of academic use of the Internet: A structural equation model. *Behaviour & Information Technology*, 21(1), 71–86.

Song, M. (2020). Psychological stress responses to COVID-19 and adaptive strategies in China. *World Development*, 136, 105107.

Taylor, S. (2021). COVID Stress Syndrome: Clinical and Nosological Considerations. *Current Psychiatry Reports*, 23(4), 19.

Toan, V. (2021). Health ministry announces 14,440 more COVID-19 cases in Vietnam. *Tuoi Tre News*. <https://special.nhandan.vn/daumoc-Covid-19/index.html>

Wang, J., Aaron, A., Baidya, A., Chan, C., Wetzler, E., Savage, K., Joseph, M., & Kang, Y. (2021). Gender differences in psychosocial status of adolescents during COVID-19: a six-country cross-sectional survey in Asia Pacific. *BMC Public Health*, 21(1), 2009.

Wang, R., Ye, B., Wang, P., Tang, C., & Yang, Q. (2022). Coronavirus stress and overeating: the role of anxiety and COVID-19 burnout. *Journal of Eating Disorders*, 10(1), 59.

COVID-19 STRESS AMONG THUA THIEN HUE HIGH SCHOOL STUDENTS

Abstract: This paper investigates COVID-19 stress levels and gender differences in COVID-19 stress levels among high school students in Thua Thien Hue. The research sample includes 685 high school students in Thua Thien Hue. The COVID-19 stress scale was used to assess the stress level of COVID-19 high school students. SPSS 20.0 and Amos 20.0 software were used to process the data. Research results show that high school students have low levels of stress due to COVID-19, and female students have higher levels of stress due to COVID-19 than male students. The results of the study have certain theoretical and practical implications.

Keywords: Stress; COVID-19; high school students; Thua Thien Hue